

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN U MINH  
TỈNH CÀ MAU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 14/2019/HNGĐ-ST

Ngày: 28 - 3 - 2019.

V/v Ly hôn.

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN U MINH TỈNH CÀ MAU.**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Huỳnh Việt Hằng.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

Ông Trần Thanh Thía;

Ông Trịnh Hữu Hiệp.

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Hồng Ý, Thẩm tra viên Tòa án Tòa án nhân dân huyện U Minh, tỉnh Cà Mau.

Ngày 28 tháng 3 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện U Minh, tỉnh Cà Mau xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 67/2019/TLST-HNGĐ ngày 08 tháng 3 năm 2019 về việc Ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 32/2019/QĐXXST – HNGĐ ngày 12 tháng 3 năm 2019 giữa các đương sự:

**- Nguyên đơn:** Bà Nguyễn Thị T, sinh năm: 1977 (có mặt).

Địa chỉ: Ấp 15, xã Khánh Thuận, huyện U Minh, tỉnh Cà Mau.

Hiện ở: Khóm 4, thị trấn U Minh, huyện U Minh, tỉnh Cà Mau.

**- Bị đơn:** Ông Lý V, sinh năm: 1974 (vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp 15, xã Khánh Thuận, huyện U Minh, tỉnh Cà Mau.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

- Tại đơn khởi kiện ngày 04/3/2019 và phiên tòa, nguyên đơn bà Nguyễn Thị T trình bày: Năm 1995 được sự đồng ý của gia đình hai bên tổ chức đám cưới bà và ông V tự nguyện chung sống với nhau nhưng không đăng ký kết hôn. Vợ chồng có 3 con chung. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc nhưng gần đây vợ chồng luôn phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là bất đồng ý kiến trong việc tính toán làm ăn và trong sinh hoạt hàng ngày, chồng khó khăn đối với bà và không chăm lo làm ăn mà thường xuyên tụ tập bạn bè uống rượu sau đó chửi mắng, đánh đập bà. Mâu thuẫn càng kéo dài và trầm trọng. Bà nhận thấy

giữa bà với ông V không còn tình cảm, cuộc sống vợ chồng không mang lại hạnh phúc nên yêu cầu Tòa án giải quyết được ly hôn với ông V.

Về con chung: có 03 con chung tên Lý Thảo, sinh năm 1995; Lý Nguyên, sinh năm 1997 và Lý Vĩnh Kỳ, sinh ngày 12/11/2000. Con chung đã trưởng thành và có khả năng lao động nên không yêu cầu xem xét.

Về tài sản chung, nợ chung: không có, không yêu cầu.

- Tại bản tự khai ngày 08/3/2019 bị đơn ông Lý V trình bày:

Năm 1995 ông và Trang tự nguyện chung sống với nhau nhưng không đăng ký kết hôn. Vợ chồng chung sống không được hạnh phúc luôn bất đồng ý kiến trong sinh hoạt hàng ngày, không nhường nhịn, chia sẻ mà thường xuyên cự cãi giận dữ, xung đột nhau. Nay bà T xin ly hôn, ông đồng ý ly hôn. Con chung: có 3 con chung như bà T trình bày, đều đã trưởng thành nên không yêu cầu. Về tài sản chung, nợ chung: không có, không yêu cầu. Do hiện nay đi làm ăn xa nên xin được vắng mặt khi giải quyết vụ kiện với bà T.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

[1] Về tố tụng: tranh chấp theo yêu cầu của đương sự là **tranh chấp hôn nhân gia đình về việc ly hôn thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện U Minh theo quy định tại khoản 1 Điều 28, 35, 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.**

**Ông V có yêu cầu xét xử vắng mặt nên căn cứ khoản 1 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt ông V.**

[2] Về nội dung: Bà Nguyễn Thị T và ông Lý V tự nguyện chung sống với nhau vào năm 1995 nhưng không đăng ký kết hôn. Quá trình chung sống xảy ra mâu thuẫn, bà T yêu cầu ly hôn, ông V cũng đồng ý ly hôn, tuy nhiên, do bà T và ông V không đăng ký kết hôn nên căn cứ khoản 1 Điều 14, khoản 2 Điều 53 của Luật hôn nhân và gia đình tuyên bố không công nhận bà T và ông V là vợ chồng.

[3] Về con chung: Bà T và ông V có 03 người con chung tên Lý Thảo, sinh năm 1995; Lý Nguyên, sinh năm 1997 và Lý Vĩnh Kỳ, sinh ngày 12/11/2000 và cùng xác định các con chung đã trưởng thành, không yêu cầu xem xét nên không đặt ra xem xét.

[4] Về tài sản chung, nợ chung: Bà T, ông V xác định không có, không yêu cầu nên không đặt ra xem xét.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

- Căn cứ vào các khoản 1 **Điều 28, 35, 39**; khoản 4 Điều 147; khoản 1 Điều 227; khoản 2 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Áp dụng khoản 1 Điều 14, khoản 2 Điều 53 của Luật Hôn nhân và gia đình; **điểm a khoản 5 Điều 27** của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

- Không công nhận bà Nguyễn Thị T và ông Lý V là vợ chồng.
- Về con chung: tên Lý Thảo, sinh năm 1995; Lý Nguyên, sinh năm 1997 và Lý Vĩnh Kỳ, sinh ngày 12/11/2000 đều đã trưởng thành, không yêu cầu nên không đặt ra xem xét.
- Tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu nên không xem xét.
- Án phí dân sự sơ thẩm bà Nguyễn Thị T phải chịu 300.000 đồng, bà T đã nộp 300.000 đồng theo biên lai thu tiền số 0004250 ngày 08/3/2019 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện U Minh được chuyển thu án phí.
- Bà Nguyễn Thị T có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Ông Lý V có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định.

*Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.*

**Nơi nhận:**

- Các đương sự;
- TAND tỉnh;
- VKSND cùng cấp;
- Chi cục THADS huyện U Minh;
- Lưu VT, hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

**Huỳnh Việt Hằng**